

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN CÁT LỢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 141 /CPCL-TCKT  
V/v Công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.
- Mã chứng khoán: CLC
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.  
Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán (đính kèm).

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế. Không có**

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày

2 /03/2025 tại đường dẫn: <http://www.catloi.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận :

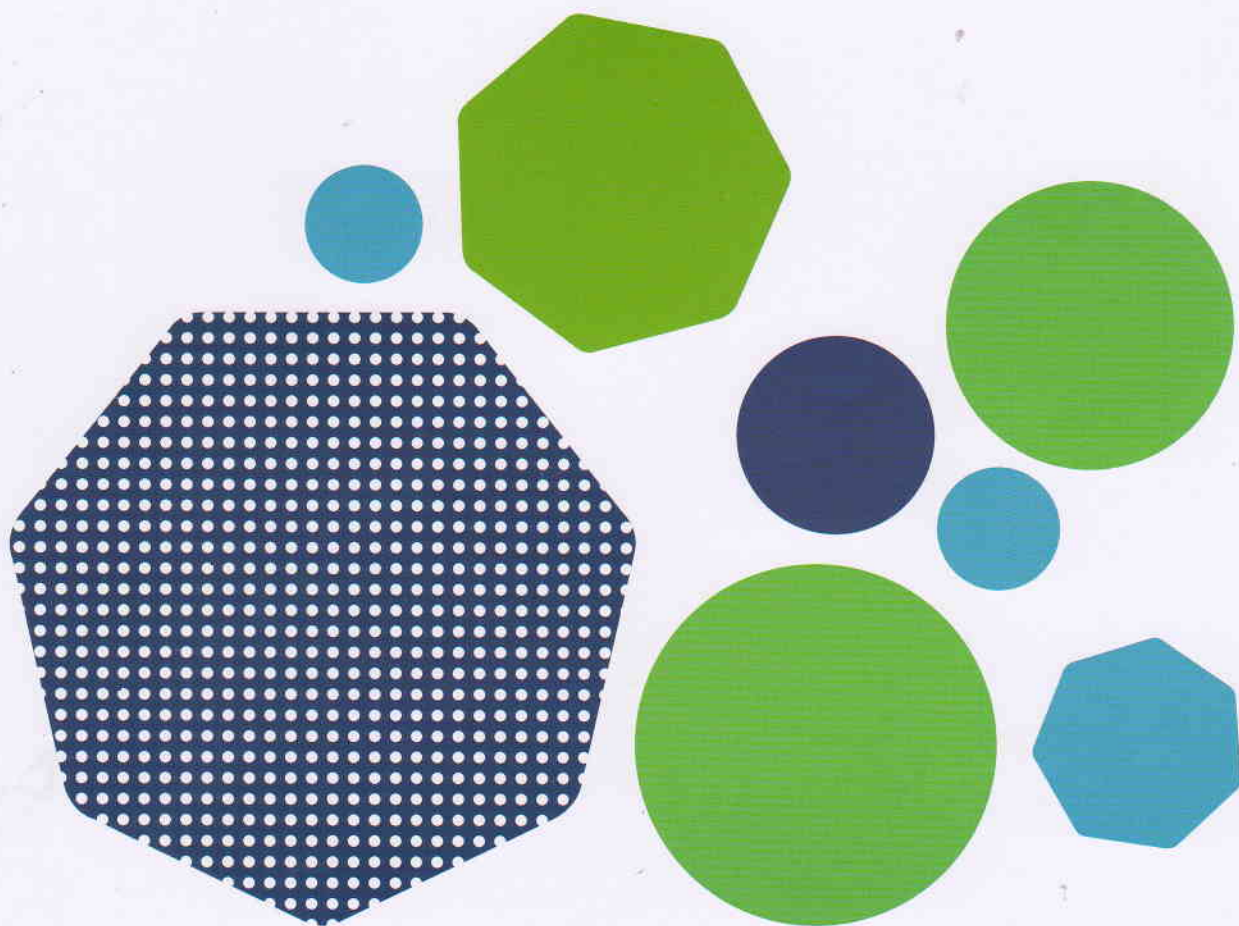
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 43

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

#### **KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Châu Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

##### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc

##### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

##### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Hoàng Minh**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Số. 003 /2025/UHYHCM-BCKTĐL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 36 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cát Lợi số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến của Kiểm toán viên đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025*

**Hà Thị Thanh Thúy**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 4707-2024-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.841.282.095.680</b>	<b>1.458.100.095.277</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>32.039.406.447</b>	<b>27.684.777.127</b>
Tiền	111		32.039.406.447	27.684.777.127
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>345.815.712.275</b>	<b>313.239.003.133</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	338.549.559.575	311.890.357.472
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.676.722.700	993.429.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.589.430.000	355.215.941
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.391.721.925.552</b>	<b>1.094.837.436.546</b>
Hàng tồn kho	141		1.391.721.925.552	1.094.837.436.546
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.705.051.406</b>	<b>22.338.878.471</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	151	14	12.578.768.623	12.598.108.656
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	152		59.126.282.783	8.819.418.917
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	921.350.898
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>113.993.727.923</b>	<b>114.004.244.254</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.510.230.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	-	1.510.230.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.498.801.204</b>	<b>24.862.420.765</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	106.875.855.954	20.344.089.632
- Nguyên giá	222		861.354.910.542	746.854.610.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(754.479.054.588)	(726.510.520.834)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.622.945.250	4.518.331.133
- Nguyên giá	228		19.514.449.299	19.874.199.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.891.504.049)	(15.355.868.166)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>105.194.216</b>	<b>87.548.356.984</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	105.194.216	87.548.356.984
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>3.229.348.753</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.770.651.247)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>160.383.750</b>	<b>83.236.505</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	160.383.750	83.236.505
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.955.275.823.603</b>	<b>1.572.104.339.531</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.045.472.119.467</b>	<b>692.896.043.507</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.024.694.765.723</b>	<b>692.390.048.425</b>
Phải trả người bán ngắn hạn (*)	311	15	323.456.984.840	324.969.826.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	16	14.185.619.695	12.518.821.094
Phải trả người lao động	314		29.268.843.546	27.132.041.280
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	458.327.470	524.348.157
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	48.767.580	45.739.660
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	645.046.129.370	310.376.852.783
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.230.093.222	16.822.418.519
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.777.353.744</b>	<b>505.995.082</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.772.353.744	505.995.082
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		19.005.000.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>909.803.704.136</b>	<b>879.208.296.024</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>909.803.704.136</b>	<b>879.208.296.024</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		343.870.353.270	323.138.546.696
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		239.010.120.866	229.146.519.328
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		88.781.032.024	85.170.056.516
- LNST chưa phân phối năm nay (*)	421b		150.229.088.842	143.976.462.812
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.955.275.823.603</b>	<b>1.572.104.339.531</b>

(\*) Điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày 01/01/2024 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Nguyễn Đức Huy

  
Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>3.691.795.747.506</b>	<b>2.970.911.732.676</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	71.931.185	81.703.985
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>3.691.723.816.321</b>	<b>2.970.830.028.691</b>
Giá vốn hàng bán (*)	11	24	3.284.713.078.582	2.633.920.774.056
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>407.010.737.739</b>	<b>336.909.254.635</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.669.536.922	10.068.368.647
Chi phí tài chính	22	26	71.024.314.372	53.790.625.095
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.121.439.107</i>	<i>20.511.794.861</i>
Chi phí bán hàng (*)	25	27	45.179.244.546	34.714.384.478
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	112.988.621.976	78.418.027.049
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>189.488.093.767</b>	<b>180.054.586.660</b>
Thu nhập khác	31	28	2.179.673.948	533.918.381
Chi phí khác	32	29	1.375.769.837	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>803.904.111</b>	<b>533.918.381</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>190.291.997.878</b>	<b>180.588.505.041</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	30	40.062.909.036	36.612.042.229
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>150.229.088.842</b>	<b>143.976.462.812</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>5.159</b>	<b>4.929</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>	<b>31</b>	<b>5.159</b>	<b>4.929</b>

(\*) Điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2023 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế (*)</b>	<b>01</b>		<b>190.291.997.878</b>	<b>180.588.505.041</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.390.424.739	19.444.063.529
Các khoản dự phòng	03		2.770.651.247	-
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		607.295.242	(222.471.833)
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(664.430.274)	(397.865.611)
Chi phí lãi vay	06		19.121.439.107	20.511.794.861
Các điều chỉnh khác	07		19.005.000.000	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>266.522.377.939</b>	<b>219.924.025.987</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu (*)	09		(77.140.153.030)	(44.469.717.775)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(296.884.489.006)	(68.265.969.719)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (*)	11		58.449.630.355	55.066.545.256
Tăng/giảm chi phí trả trước (*)	12		(57.807.212)	4.242.970.828
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.187.459.794)	(20.282.080.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(43.264.754.384)	(33.398.509.250)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.000.000	28.100.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.398.674.027)	(12.458.161.863)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(130.958.329.159)</b>	<b>100.387.203.010</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(89.191.529.230)	(41.790.291.148)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		584.299.852	244.835.185
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80.130.422	153.030.426
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(94.527.098.956)</b>	<b>(41.392.425.537)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.207.682.070.000	1.803.298.894.629
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.873.012.793.413)	(1.766.902.104.217)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(104.830.332.000)	(91.726.540.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>229.838.944.587</b>	<b>(55.329.750.088)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.353.516.472</b>	<b>3.665.027.385</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>27.684.777.127</b>	<b>24.018.704.684</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.112.848	1.045.058
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>32.039.406.447</b>	<b>27.684.777.127</b>

(\*) Điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2023 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 311 người và tại ngày 01/01/2024 là 304 người.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Công ty có Công ty liên doanh là Công ty TNHH Bao Bi C & A như được trình bày tại thuyết minh số 13 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 36 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

**4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**4.7 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và được ghi nhận vào thu nhập trong năm.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

**4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm được xác định thời gian khấu hao 2 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

**4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Công ty liên doanh phải tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty được đầu tư bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty được đầu tư. Nếu công ty được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phần mềm và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng.

**4.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.17 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.18 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm sản xuất Cây đầu lọc; In nhãn nút; Giấy sấp, lưới gà và sản phẩm khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt lớn về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

**4.20 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.20 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, Công ty liên doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	312.228.000	785.825.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.727.178.447	26.898.952.127
<b>Cộng</b>	<b>32.039.406.447</b>	<b>27.684.777.127</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>338.549.559.575</b>	<b>311.890.357.472</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	13.806.744.602	9.202.608.566
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	138.621.405.947	111.629.031.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	62.065.868.857	68.051.811.584
- Đối tượng khác	124.055.540.169	123.006.906.058
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)</b>	<b>309.849.610.616</b>	<b>277.838.504.963</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.676.722.700</b>	<b>993.429.720</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện lạnh R.E.E	2.700.000.000	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Đình	623.927.700	-
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Đại Dương Mới	616.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Mai Gia	253.205.000	-
- Công ty TNHH Xây lắp điện Kiến Lập	-	113.992.920
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	-	102.643.000
- Công ty TNHH TM DV& SX Đồng phục Đan Thanh	113.184.000	211.654.080
- Các khoản trả trước cho người bán khác	370.406.000	565.139.720
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.589.430.000</b>	-	<b>355.215.941</b>	-
- Tạm ứng	791.500.000	-	67.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.797.930.000	-	285.700.000	-
- Phải thu khác	-	-	2.515.941	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>1.510.230.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.510.230.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.589.430.000</b>	-	<b>1.865.445.941</b>	-

(\*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê xe nâng là 260.000.000 đồng, đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng, đặt cọc thuê máy photocopy là 10.230.000 đồng và các khoản đặt cọc khác là 27.700.000 đồng.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	109.885.499.016	-	83.587.040.314	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.188.493.408.236	-	928.913.678.364	-
Công cụ, dụng cụ	23.005.274	-	27.129.091	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	125.540.520	-	40.385.674	-
Thành phẩm	93.057.363.026	-	82.151.822.243	-
Hàng hóa	137.109.480	-	117.380.860	-
<b>Cộng</b>	<b>1.391.721.925.552</b>	-	<b>1.094.837.436.546</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2024	32.588.631.570	691.036.645.300	15.931.023.077	7.298.310.519	746.854.610.466
- Mua trong năm	849.160.000	119.088.264.269	999.990.000	89.390.909	121.026.805.178
- Thanh lý	(129.871.080)	(4.668.089.130)	(1.155.104.910)	(573.439.982)	(6.526.505.102)
Tại 31/12/2024	<b>33.307.920.490</b>	<b>805.456.820.439</b>	<b>15.775.908.167</b>	<b>6.814.261.446</b>	<b>861.354.910.542</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2024	(30.954.264.818)	(675.218.766.395)	(13.712.278.548)	(6.625.211.073)	(726.510.520.834)
- Khấu hao trong năm	(457.871.149)	(32.061.945.746)	(1.464.200.440)	(511.021.521)	(34.495.038.856)
- Thanh lý	129.871.080	4.668.089.130	1.155.104.910	573.439.982	6.526.505.102
Tại 31/12/2024	<b>(31.282.264.887)</b>	<b>(702.612.623.011)</b>	<b>(14.021.374.078)</b>	<b>(6.562.792.612)</b>	<b>(754.479.054.588)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	1.634.366.752	15.817.878.905	2.218.744.529	673.099.446	20.344.089.632
Tại 31/12/2024	<b>2.025.655.603</b>	<b>102.844.197.428</b>	<b>1.754.534.089</b>	<b>251.468.834</b>	<b>106.875.855.954</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 726.868.952.913 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 693.226.334.295 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 29.995.474.738 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 29.995.474.738 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 473.911.597 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 646.243.087 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2024	15.502.607.589	4.371.591.710	19.874.199.299
- Thanh lý	-	(359.750.000)	(359.750.000)
Tại 31/12/2024	<u>15.502.607.589</u>	<u>4.011.841.710</u>	<u>19.514.449.299</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2024	(11.942.850.414)	(3.413.017.752)	(15.355.868.166)
- Khấu hao trong năm	(350.140.050)	(545.245.833)	(895.385.883)
- Thanh lý	-	359.750.000	359.750.000
Tại 31/12/2024	<u>(12.292.990.464)</u>	<u>(3.598.513.585)</u>	<u>(15.891.504.049)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2024	<u>3.559.757.175</u>	<u>958.573.958</u>	<u>4.518.331.133</u>
Tại 31/12/2024	<u>3.209.617.125</u>	<u>413.328.125</u>	<u>3.622.945.250</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 2.954.716.710 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.914.066.710 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 15.502.607.589 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 15.502.607.589 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 3.209.617.125 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 3.559.757.175 đồng).

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>		
- Máy in ống đồng 12 màu tích hợp 2 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút, mới 100%	-	87.547.756.984
- Hệ thống điều hòa nhiệt độ tại phân xưởng cây đầu lọc	105.194.216	-
- Máy ép nhũ tích hợp dập nổi - cắt - bế phẳng tự động, mới 100%	-	600.000
<b>Cộng</b>	<u>105.194.216</u>	<u>87.548.356.984</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>						
- Công ty TNHH Bao Bì C & A (*)	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>(2.770.651.247)</b>	<b>3.229.348.753</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Bao Bì C & A, với giá trị phần góp vốn là 6.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50%. Công ty TNHH Bao bì C & A được thành lập vào ngày 18/01/2024 với vốn điều lệ là 12 tỷ đồng, trụ sở chính tại số 38A Đại lộ Hữu Nghị, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Bao bì C & A là sản xuất bao bì từ giấy và bìa. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH Bao bì C & A tự lập.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.578.768.623</b>	<b>12.598.108.656</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.682.936.575	9.753.371.633
- Chi phí khác	2.895.832.048	2.844.737.023
<b>Dài hạn</b>	<b>160.383.750</b>	<b>83.236.505</b>
- Chi phí khác	160.383.750	83.236.505



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>323.456.984.840</b>	<b>323.456.984.840</b>	<b>324.969.826.932</b>	<b>324.969.826.932</b>
- Công ty Dr.Franz Feurstein Gmbh	38.353.487.733	38.353.487.733	44.079.071.427	44.079.071.427
- Công ty PT.INDAH KIAT PULP	11.970.990.738	11.970.990.738	3.984.219.703	3.984.219.703
- Công ty Intelligent Joy Int'l Hongkong Limited	18.291.960.900	18.291.960.900	1.858.239.900	1.858.239.900
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	60.027.317.869	60.027.317.869	85.888.513.017	85.888.513.017
- Công ty Nomura	78.782.113.728	78.782.113.728	59.424.385.997	59.424.385.997
- Công ty Newtoyo	29.983.007.952	29.983.007.952	22.871.441.577	22.871.441.577
- Công ty British American Tobacco	17.556.166.197	17.556.166.197	6.311.156.815	6.311.156.815
- Các khoản phải trả người bán khác	68.491.939.723	68.491.939.723	100.552.798.496	100.552.798.496
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)</b>	<b>68.011.683.103</b>	<b>68.011.683.103</b>	<b>92.800.092.429</b>	<b>92.800.092.429</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp, phải thu</b>	<b>12.518.821.094</b>	<b>921.350.898*</b>	<b>235.895.366.141</b>	<b>233.307.216.642</b>	<b>14.185.619.695</b>	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	158.881.168.134	158.881.168.134	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	20.779.103.580	20.779.103.580	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.518.821.094	-	40.062.909.036	43.264.754.384	9.316.975.746	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	921.350.898	14.303.274.618	8.513.279.771	4.868.643.949	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	1.841.543.555	1.841.543.555	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	24.366.218	24.366.218	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.000	1.000	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	458.327.470	524.348.157
<b>Cộng</b>	<b>458.327.470</b>	<b>524.348.157</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>48.767.580</b>	<b>45.739.660</b>
- Kinh phí công đoàn	48.767.580	45.739.660
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.772.353.744</b>	<b>505.995.082</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.772.353.744	505.995.082
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.821.121.324</b>	<b>551.734.742</b>

(\*) Là khoản nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà, với giá trị là 505.995.082 đồng và khoản nhận đặt cọc chi phí phụ tùng từ khách hàng để sản xuất nhãn in thuốc lá, với giá trị là 1.266.358.662 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2024		Trong năm		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>645.046.129.370</b>	<b>645.046.129.370</b>	<b>2.207.682.070.000</b>	<b>1.873.012.793.413</b>	<b>310.376.852.783</b>	<b>310.376.852.783</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	300.478.554.864	300.478.554.864	1.397.489.208.270	1.261.184.686.843	164.174.033.437	164.174.033.437
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (2)	266.198.487.681	266.198.487.681	430.367.303.505	164.168.815.824	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh (3)	78.369.086.825	78.369.086.825	292.989.592.576	290.320.007.280	75.699.501.529	75.699.501.529
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TPHCM (4)	-	-	86.835.965.649	157.339.283.466	70.503.317.817	70.503.317.817
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>645.046.129.370</b>	<b>645.046.129.370</b>	<b>2.207.682.070.000</b>	<b>1.873.012.793.413</b>	<b>310.376.852.783</b>	<b>310.376.852.783</b>

(1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/2428/KHDN1/N-CTD ngày 22/01/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 24.479003/2024-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 16 tháng 09 năm 2024, với hạn mức cho vay không quá 300 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 16/09/2024 đến hết ngày 30/11/2024 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 24.732043/2024-HĐLCHM-SĐBS01/NHCT900-CATLOI ngày 22/11/2024 về việc duy trì hạn mức đến hết ngày 31/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (3) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC\_HĐTD/CATLOI\_01/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC\_HĐTD/CATLOI\_01/20130925\_PL2024 ngày 21/10/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 120 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (4) Khoản vay từ Thư tín dụng số STVN92-19 ngày 29/05/2019 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 5.000.000 Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn sau 12 tháng trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng bị Ngân hàng hủy bỏ. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp khoản phải thu tại Ngân hàng.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>262.075.830.000</b>

**20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	104.830.332.000	91.726.540.500

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.3 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**20.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	343.870.353.270	323.138.546.696
<b>Cộng</b>	<b>343.870.353.270</b>	<b>323.138.546.696</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>289.096.966.329</b>	<b>225.620.413.035</b>	<b>841.640.609.364</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.365.487.304	140.365.487.304
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	34.041.580.367	(140.450.356.519)	(106.408.776.152)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	34.041.580.367	(34.041.580.367)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.045.035.652)	(14.045.035.652)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(637.200.000)	(637.200.000)
+ Chia cổ tức năm 2022 (35%)	-	-	-	(91.726.540.500)	(91.726.540.500)
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>323.138.546.696</b>	<b>225.535.543.820</b>	<b>875.597.320.516</b>
Điều chỉnh hồi tố tăng lợi nhuận năm 2023 theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	3.610.975.508	3.610.975.508
<b>Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>323.138.546.696</b>	<b>229.146.519.328</b>	<b>879.208.296.024</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.229.088.842	150.229.088.842
- Phân phối lợi nhuận trong năm (**)	-	-	20.731.806.574	(140.365.487.304)	(119.633.680.730)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.731.806.574	(20.731.806.574)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.036.548.730)	(14.036.548.730)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(766.800.000)	(766.800.000)
+ Chia cổ tức năm 2023 (40%)	-	-	-	(104.830.332.000)	(104.830.332.000)
<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>343.870.353.270</b>	<b>239.010.120.866</b>	<b>909.803.704.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(\*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25 tháng 05 năm 2023.

(\*\*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27 tháng 05 năm 2024.

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tại 31/12/2024</u>	<u>Tại 01/01/2024</u>
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	5.161.748.450	5.841.190.085
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	34.067,01	3.988,14
- EUR	1.175,35	1.182,73
- GBP	93,35	99,95
- JPY	20.537,00	21.989,00

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.691.795.747.506</b>	<b>2.970.911.732.676</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.647.653.543.847	2.940.235.816.821
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	24.486.522.853	9.668.695.127
Doanh thu gia công, chế biến	1.505.228.568	789.951.393
Doanh thu phế liệu thu hồi	16.877.867.412	18.928.597.124
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.272.584.826	1.288.672.211
<b>Cộng</b>	<b>3.691.795.747.506</b>	<b>2.970.911.732.676</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)</b>	<b>3.327.753.967.881</b>	<b>2.626.560.843.391</b>

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	71.931.185	81.703.985
<b>Cộng</b>	<b>71.931.185</b>	<b>81.703.985</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm	3.242.903.629.776	2.604.935.155.081
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	23.176.173.910	8.904.900.855
Giá vốn gia công chế biến	942.818.188	323.444.315
Giá vốn phế liệu thu hồi	16.877.867.412	18.928.597.124
Giá vốn của dịch vụ khác	812.589.296	828.676.681
<b>Cộng</b>	<b>3.284.713.078.582</b>	<b>2.633.920.774.056</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.130.422	153.030.426
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.589.406.500	9.692.866.388
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	-	222.471.833
<b>Cộng</b>	<b>11.669.536.922</b>	<b>10.068.368.647</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.121.439.107	20.511.794.861
Chiết khấu thanh toán	33.925.100.442	26.299.506.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.599.828.334	6.979.323.993
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	607.295.242	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh	2.770.651.247	-
<b>Cộng</b>	<b>71.024.314.372</b>	<b>53.790.625.095</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>45.179.244.546</b>	<b>34.714.384.478</b>
Quảng cáo, thị trường	10.648.947.929	983.947.628
Cước vận chuyển, bốc xếp	34.076.750.639	33.283.630.602
Chi phí vật liệu bao bì	55.355.059	65.705.309
Chi phí khác bằng tiền	398.190.919	381.100.939
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>112.988.621.976</b>	<b>78.418.027.049</b>
Chi phí nhân viên quản lý	65.951.678.600	54.950.468.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.362.436.556	1.742.065.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.386.567.710	5.665.316.446
Chi phí khác bằng tiền	20.282.939.110	16.060.177.296
Chi phí quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	19.005.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 747/NQ-CPCL ngày 26 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ với giá trị là 19.005.000.000 đồng.

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	584.299.852	244.835.185
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	123.140.000	131.500.000
Tiền bồi hoàn hàng hóa hư hỏng	1.381.986.518	-
Thu nhập khác	90.247.578	157.583.196
<b>Cộng</b>	<b>2.179.673.948</b>	<b>533.918.381</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hàng hóa hư hỏng	1.348.958.344	-
Chi phí khác bằng tiền	26.811.493	-
<b>Cộng</b>	<b>1.375.769.837</b>	<b>-</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>190.291.997.878</b>	<b>180.588.505.041</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.022.547.302</b>	<b>2.471.706.103</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.022.547.302	2.471.706.103
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>200.314.545.180</b>	<b>183.060.211.144</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>40.062.909.036</b>	<b>36.612.042.229</b>

**31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150.229.088.842	143.976.462.812
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	150.229.088.842	143.976.462.812
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(15.022.908.884)	(14.803.348.730)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>5.159</b>	<b>4.929</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)</b>	<b>5.159</b>	<b>4.929</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27/05/2024.

Ngoài ra, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27/05/2024. Do đó, Công ty trình bày lại số liệu so sánh cho năm 2023 khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu.

(\*\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2024 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Mã số	Năm 2023 Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2023 Số trình bày lại VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)		14.036.548.730	766.800.000	14.803.348.730
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>70</b> <b>71</b>	<b>4.820</b>	<b>109</b>	<b>4.929</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.051.466.823.653	2.439.870.838.518
Chi phí nhân công	148.537.900.787	129.067.888.770
Khấu hao tài sản cố định	35.390.424.739	19.444.063.529
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	6.107.060.498	5.556.129.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.848.087.688	61.935.305.018
Chi phí bằng tiền khác	81.475.917.850	54.127.908.070
Chi phí quỹ phát triển khoa học công nghệ	19.005.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.406.831.215.215</b>	<b>2.710.002.133.011</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	Công ty liên doanh của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Bao bì C & A	Công ty liên doanh của Công ty
Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	Đơn vị thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>3.311.365.373.604</b>	<b>2.626.560.843.391</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.662.363.256.387	1.235.659.219.278
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	680.453.896.805	603.969.727.844
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	160.325.196.150	132.487.650.256
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	149.643.815.120	109.482.103.941
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	49.729.183.460	68.167.006.408
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	107.280.752.245	80.858.985.107
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	83.865.700.916	69.203.338.015
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	111.646.371.034	70.484.783.291
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	70.063.076.030	82.095.986.598
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	91.240.755.790	69.688.266.824
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	92.701.325.665	61.160.735.289
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	46.305.921.369	31.873.941.784
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	3.097.894.480	9.823.483.963
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.112.579.118	1.347.557.643
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	1.467.909.800	201.600.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	67.739.235	56.457.150
<b>Doanh thu (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>16.388.594.277</b>	-
- Công Ty TNHH Bao Bì C & A	16.388.594.277	-
	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>1.266.604.226.542</b>	<b>1.067.764.613.855</b>
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	1.196.881.011.683	993.351.219.095
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	33.873.750.608	39.746.657.553
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	33.450.931.929	32.873.272.778
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.123.887.164	730.044.819
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	625.818.710	394.451.210
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	382.671.200	469.217.680
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	41.400.000	38.510.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	11.990.000	4.095.000
- Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	77.685.183	37.777.776
- Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	135.080.065	119.367.944
<b>Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>10.319.241.434</b>	-
- Công ty TNHH bao bì C & A	10.319.241.434	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Thu nhập khác từ bên liên quan</b>	<b>90.247.578</b>	<b>157.583.196</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	90.247.578	157.583.196
<b>Chiết khấu thanh toán cho bên liên quan</b>	<b>33.925.100.442</b>	<b>26.299.506.241</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	26.516.338.929	19.912.419.884
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	7.408.761.513	6.387.086.357
<b>Cổ tức trả trong năm</b>	<b>104.830.332.000</b>	<b>91.726.540.500</b>
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	53.464.320.000	46.781.280.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.690.160.000	5.853.890.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4.270.432.000	3.736.628.000
- Cổ đông khác	40.405.420.000	35.354.742.500
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>300.461.645.115</b>	<b>277.838.504.963</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	138.621.405.947	111.629.031.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	62.065.868.857	68.051.811.584
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	17.357.175.612	17.442.166.455
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	10.989.032.128	8.431.987.482
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	6.369.225.565	8.700.223.111
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	12.338.559.129	12.979.937.460
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	13.806.744.602	9.202.608.566
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	7.205.125.598	13.185.244.951
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	3.885.302.370	6.668.593.822
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	10.700.175.454	11.252.271.984
- Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	17.003.611.620	7.581.986.701
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	44.128.800	2.633.994.655
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	75.289.433	78.646.928
<b>Phải thu khách hàng với bên liên quan là Công ty liên doanh</b>	<b>9.387.965.501</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Bao bì C & A	9.387.965.501	-
<b>Phải trả người bán với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>66.644.947.423</b>	<b>92.800.092.429</b>
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	60.027.317.869	85.888.513.017
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.968.035.130	1.785.913.726
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	3.857.460.174	4.324.999.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	792.134.250	800.666.422
<b>Phải trả người bán với bên liên quan là Công ty liên doanh</b>	<b>1.366.735.680</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Bao bì C & A	1.366.735.680	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>- Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc</b>	<b>8.495.319.626</b>	<b>7.594.817.099</b>
Ông Châu Tuấn                      Chủ tịch	517.896.000	453.502.000
Ông Đỗ Ngọc Quang              Thành viên	474.412.000	361.330.000
Bà Lê Diễm Anh                    Thành viên	474.412.000	412.567.000
Ông Nguyễn Đức Hanh            Thành viên	1.670.114.070	1.570.516.037
Ông Nguyễn Hoàng Minh        Thành viên, Giám đốc	2.407.278.587	2.278.048.471
Ông Võ Đình Văn                   Phó Giám đốc	1.558.737.344	1.431.863.591
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng      Phó Giám đốc	1.392.469.625	1.086.990.000
<b>- Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng</b>	<b>3.217.434.629</b>	<b>2.957.868.532</b>
Bà Trần Thị Ánh                    Trưởng ban	1.303.027.046	1.243.703.715
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam       Thành viên	306.834.000	249.851.000
Bà Đỗ Thu Hà                        Thành viên	306.834.000	270.073.000
Ông Liêu Phước Tính              Kế toán trưởng	1.300.739.583	1.194.240.817
<b>Cộng</b>	<b>11.712.754.255</b>	<b>10.552.685.631</b>

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tét, giấy sấp, lưới gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:**

<b>Năm 2024</b>	<b>Cây đầu lọc VND</b>	<b>In nhân tút VND</b>	<b>Giấy sáp, Lưỡi gà VND</b>	<b>Sản phẩm khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.523.396.241.585	784.619.265.311	339.566.105.766	44.142.203.659	3.691.723.816.321
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.467.212.744.702	701.621.047.518	291.551.616.385	41.046.409.838	3.501.431.818.443
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.183.496.883</b>	<b>82.998.217.793</b>	<b>48.014.489.381</b>	<b>3.095.793.821</b>	<b>190.291.997.878</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.870.586.698	118.066.837.571	-	1.089.380.909	121.026.805.178
Tài sản không phân bổ					1.955.275.823.603
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.955.275.823.603</b>
Nợ phải trả không phân bổ					1.045.472.119.467
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.045.472.119.467</b>
<b>Năm 2023 (Trình bày lại)</b>	<b>Cây đầu lọc VND</b>	<b>In nhân tút VND</b>	<b>Giấy sáp, Lưỡi gà VND</b>	<b>Sản phẩm khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.929.592.197.881	679.230.152.865	331.227.416.090	30.780.261.855	2.970.830.028.691
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.854.129.803.172	634.763.187.582	272.753.453.635	28.595.079.261	2.790.241.523.650
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>75.462.394.709</b>	<b>44.466.965.283</b>	<b>58.473.962.455</b>	<b>2.185.182.594</b>	<b>180.588.505.041</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.298.328.000	1.403.574.130	-	3.939.528.759	6.641.430.889
Tài sản không phân bổ					1.572.104.339.531
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.572.104.339.531</b>
Nợ phải trả không phân bổ					692.896.043.507
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>692.896.043.507</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 17/NQ-CPCL ngày 07/01/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cát Lợi đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền theo tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương đương 39.311.374.500 đồng, theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/02/2025, ngày thanh toán 27/02/2025.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Căn cứ Thông báo kết quả Kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 31/12/2023	Số điều chỉnh	Tại 31/12/2023
		(Số đã trình bày)	Tăng (+) Giảm (-)	(Số trình bày lại)
		VND	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn (1)	151	7.346.053.357	5.252.055.299	12.598.108.656
Thuế GTGT được khấu trừ (2)	152	8.760.352.044	59.066.873	8.819.418.917
Phải trả người bán ngắn hạn (3)	311	324.172.424.145	797.402.787	324.969.826.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (4)	313	11.616.077.217	902.743.877	12.518.821.094
LNST chưa phân phối kỳ này (5)	421b	140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ (TIẾP)**

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2023 (Số đã trình bày) VND	Số điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-) VND	Năm 2023 (Số trình bày lại) VND
Giá vốn hàng bán (6)	11	2.639.172.829.355	(5.252.055.299)	2.633.920.774.056
Chi phí bán hàng (7)	25	33.976.048.564	738.335.914	34.714.384.478
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (8)	50	176.074.785.656	4.513.719.385	180.588.505.041
Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)	51	35.709.298.352	902.743.877	36.612.042.229
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (10)	60	140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (11)	70	4.820	109	4.929
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (12)	71	4.820	109	4.929

(1) Chi phí trả trước ngắn hạn tăng do chưa phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ là 5.252.055.299 đồng.

(2) Thuế GTGT được khấu trừ tăng do điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với phần chi phí vận chuyển đã hoàn thành trong năm 2023 là 59.066.873 đồng.

(3) Phải trả người bán ngắn hạn tăng do đã hoàn thành dịch vụ vận chuyển năm 2023 là 797.402.787 đồng.

(4) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do điều chỉnh giảm chi phí đã phân bổ tại mục (1) và điều chỉnh tăng chi phí tại mục (3) nêu trên (làm tăng lãi, tăng thuế TNDN) là 902.743.877 đồng.

(5) LNST chưa phân phối tăng do kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến các điều chỉnh tại mục (1), (3), (4) nêu trên là 3.610.975.508 đồng.

(6) Giá vốn hàng bán giảm theo khoản điều chỉnh số (1) là 5.252.055.299 đồng.

(7) Chi phí bán hàng tăng tương ứng với phần chi phí vận chuyển đã hoàn thành là 738.335.914 đồng.

(8) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng theo khoản điều chỉnh số (6) và (7) là 4.513.719.385 đồng.

(9) Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do doanh thu, chi phí thay đổi là 902.743.877 đồng.

(10) Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do kết quả kiểm toán nhà nước thay đổi là 3.610.975.508 đồng

(11), (12) Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu tăng do kết quả kiểm toán nhà nước thay đổi là 109 đồng/cổ phiếu, đồng thời được trình bày tại thuyết minh số 31.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)**

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh đã điều chỉnh nên các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được điều chỉnh lại, chi tiết như sau:

<b>Chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2023 (Số đã trình bày)</b>	<b>Số điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)</b>	<b>Năm 2023 (Số trình bày lại)</b>
Lợi nhuận trước thuế	01	176.074.785.656	4.513.719.385	180.588.505.041
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(44.410.650.902)	(59.066.873)	(44.469.717.775)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	54.269.142.469	797.402.787	55.066.545.256
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.495.026.127	(5.252.055.299)	4.242.970.828

**37. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại mục số 36 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

**Người lập biểu**

**Nguyễn Đức Huy**

**Kế toán trưởng**

**Liêu Phước Tính**

**Giám đốc**



**Nguyễn Hoàng Minh**

